



Member of IAF MLA/ APAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN *Certificate of Accreditation*

CÔNG TY TNHH GIÁM ĐỊNH VINACONTROL THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VINACONTROL HO CHI MINH CITY INSPECTION COMPANY LIMITED

Địa chỉ/ Location

80 Bà Huyện Thanh Quan, phường 9, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh/
80 Ba Huyen Thanh Quan Street, 9 Ward, 3 District, Ho Chi Minh City.

Mã số/ Accreditation No.

VICAS 047 - PRO

**Được công nhận có đủ năng lực tiến hành đánh giá và chứng nhận sản phẩm phù hợp
theo yêu cầu của tiêu chuẩn**

*is accredited to operate audit and certification of Product. The Accredited
Certification Body meets the requirements of*

ISO/IEC 17065: 2012

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN

Scope of Accreditation

Theo phụ lục kèm theo quyết định số 73.2021/QĐ-VPCNCL ngày 08/02/2021.

As in the accreditation schedule accompanied with accreditation decision

No 73.2021/QĐ-VPCNCL dated 08th Febuary, 2021.

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)



Ngày/ Date of Issue: 08/02/2021.

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: up to 27/02/2024.

Hiệu lực lần đầu/ Beginning of Accreditation: 27/02/2015.

VŨ XUÂN THỦY

Số: 73.2021/QĐ-VPCNCL

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tổ chức chứng nhận hệ thống chứng nhận sản phẩm

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về việc qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
- Căn cứ Quyết định số 2058/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 07 năm 2018 về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Văn phòng Công nhận Chất lượng;
- Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận tổ chức chứng nhận:

CÔNG TY TNHH GIÁM ĐỊNH VINACONTROL HỒ CHÍ MINH

Có Hệ thống Chứng nhận sản phẩm (Product Certification System) phù hợp theo ISO/IEC 17065:2012 với phạm vi công nhận trong phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Tổ chức Chứng nhận được mang số hiệu: **VICAS 047 - PRO.**

Điều 3: Tổ chức Chứng nhận được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực đến ngày 27 tháng 02 năm 2024 và Tổ chức Chứng nhận sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần. ✓

Nơi nhận: ✓

- Cơ sở được đánh giá;
- HS đánh giá;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
VŨ XUÂN THỦY



HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation
8 Hoang Quoc Viet, Hanoi; Tel: (+84 24) 7911552; Fax: (+84 24) 7911551; <http://www.boa.gov.vn>

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: **73** .2021/QĐ-VPCNCL ngày **08** tháng **02** năm 2021
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ in Vietnamese: CÔNG TY TNHH GIÁM ĐỊNH VINACONTROL THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tiếng Anh/ in English: VINACONTROL HO CHI MINH CITY INSPECTION COMPANY LIMITED

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 047 – PRO

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Trụ sở chính/ Head office:

80 Bà Huyện Thanh Quan, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

80 Ba Huyen Thanh Quan, ward 9, district 3, Ho Chi Minh city

Tel: +84 28 3931 6323

Fax: +84 28 3931 6961

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards

ISO/IEC 17065:2012 Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình, dịch vụ/ Conformity assessment – Requirements for bodies certifying products, processes and services

NGÀY BAN HÀNH/ Issue date

Ngày **08** tháng **02** năm **2021**

Dated **08th** February, 2021



HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation
8 Hoang Quoc Viet, Hanoi; Tel: (+84 24) 7911552; Fax: (+84 24) 7911551; <http://www.bqa.gov.vn>

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận sản phẩm theo phương thức 1b, 5 theo ISO/IEC 17067:2013 (tương ứng với phương thức 7, 5 theo thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ) cho các sản phẩm sau đây/ *Product certification in accordance with certification scheme type 1b, 5 of ISO/IEC 17067:2013 (equivalents to certification scheme type 7, 5 of Circular 28/2012/TT-BKHCN dated 12 December, 2012 of Ministry of Science and Technology) for the following products:*

Thực phẩm, Thức ăn chăn nuôi/ Food and animal feed

TT No	Tên sản phẩm Product name	Tiêu chuẩn Standard	Thủ tục chứng nhận (quy định riêng) Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
1	Thức ăn chăn nuôi Animal feed	QCVN 01-183: 2016/BNNPTNT	NV-QTĐG03-HCM	7
		QCVN 01-190: 2020/BNNPTNT	NV-QTĐG03.2-HCM	5
2	Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi Animal feeding stuffs	QCVN 01-190: 2020/BNNPTNT	NV-QTĐG03-HCM	7
			NV-QTĐG03.2-HCM	5

Chế phẩm dầu mỏ, hóa chất, cao su và nhựa / Refined petroleum products; Chemical products; Rubber and plastic products

TT No	Tên sản phẩm Product name	Tiêu chuẩn Standard	Thủ tục chứng nhận (quy định riêng) Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
1	Phân bón Fertilizer	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Phụ lục V, Nghị định số 108/2017/NĐ-CP (Theo khoản 3, điều 27 Nghị định 84/2019/NĐ-CP)	NV-QTĐG01-HCM	7
			NV-QTĐG01.1-HCM	5
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) Liquefied petroleum gas (LPG)	QCVN 08:2019/BKHCN	KT-QTĐG02-CT	7
3	Sơn tường dạng nhũ tương	QCVN	KT-QTĐG21-CT	7



HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation

8 Hoang Quoc Viet, Hanoi; Tel: (+84 24) 7911552; Fax: (+84 24) 7911551; <http://www.boa.gov.vn>

TT No	Tên sản phẩm Product name	Tiêu chuẩn Standard	Thủ tục chứng nhận (quy định riêng) Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
	Wall emulsion paint	16:2019/BXD		
4	Ống và phụ tùng Polyvinyl clorua không hóa dẻo (PVC-U) dùng cho mục đích cấp và thoát nước <i>Unplasticized polyvinyl chloride (PVC-U) pipe and part for water supply system</i>			7
5	Ống và phụ tùng Polyetylen (PE) dùng cho mục đích cấp và thoát nước <i>Polyethylene (PE) pipe and part for water supply</i>			7
6	Ống và phụ tùng nhựa Polypropylen (PP) dùng cho mục đích cấp và thoát nước <i>Polypropylene (PP) pipe and part for water supply</i>			7
7	Thanh định hình (profile) poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U) dùng để chế tạo cửa sổ và cửa đi <i>Unplasticized poly (vinyl chloride) (PVC-U) profile for manufacturing of window and door</i>			7

**Kim loại, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải / Basic metals and fabricated metal products;
Machinery and equipment; Transport equipment**

TT No	Tên sản phẩm Product name	Tiêu chuẩn Standard	Thủ tục chứng nhận (quy định riêng) Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
1	Thép làm cốt bê tông <i>Steel for the reinforcement of concrete</i>	QCVN 07:2019/BKHCN	KT-QTĐG10-CT	7
2	Thép <i>Steel</i>	58/2015/TTLT- BCT-BKHCN	KT-QTĐG04-CT	7



HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation

8 Hoang Quoc Viet, Hanoi; Tel: (+84 24) 7911552; Fax: (+84 24) 7911551; <http://www.boa.gov.vn>

TT No	Tên sản phẩm Product name	Tiêu chuẩn Standard	Thủ tục chứng nhận (quy định riêng) Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
		18/2017/TT-BCT 3810/QĐ- BKHCN		
3	Thép không gỉ Stainless Steel	QCVN 20:2019 - BKHCN	KT-QTĐG08-CT	7
4	Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm Profile aluminium and aluminium alloy	QCVN 16:2019/BXD	KT-QTĐG21-CT	7

Sản phẩm dệt may, da/ Textile and garment products; Leather and leather products

TT No	Tên sản phẩm Product name	Tiêu chuẩn Standard	Thủ tục chứng nhận (quy định riêng) Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
1.	Sản phẩm dệt may Textile products	QCVN 01:2017/BCT	NV-QTĐG05-HCM	7
			NV-QTĐG15-HCM	5

**Sản phẩm khoáng phi kim, sản phẩm bê tông, xi măng, vôi, vữa.../ Non-metallic mineral products;
Concrete, cement, lime, plaster etc.**

TT No	Tên sản phẩm Product name	Tiêu chuẩn Standard	Thủ tục chứng nhận (quy định riêng) Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
1	Xi măng poóc lăng Portland cement	QCVN 16:2019/BXD	KT-QTĐG21-CT	7
2	Xi măng poóc lăng hỗn hợp Portland blended cement			7
3	Xi măng poóc lăng bền sun phát			7



HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation

8 Hoang Quoc Viet, Hanoi; Tel: (+84 24) 7911552; Fax: (+84 24) 7911551; <http://www.boa.gov.vn>

TT No	Tên sản phẩm Product name	Tiêu chuẩn Standard	Thủ tục chứng nhận (quy định riêng) Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
	<i>Sulfate resistance portland cement</i>	QCVN 16:2019/BXD		
4	Xi măng poóc lăng hỗn hợp bền sun phát <i>Sulfate resistance blended portland cement</i>			7
5	Xi hạt lò cao <i>Grannulated blast furnace slag</i>			7
6	Tro bay <i>Fly ash</i>			7
7	Thạch cao phospho dùng để sản xuất xi măng <i>Phosphogypsum for cement production</i>			7
8	Kính nổi <i>Ciear float glass</i>			7
9	Kính phẳng tôi nhiệt <i>Flat tempered glass</i>			7
10	Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp <i>Laminated glass and safety laminated glass</i>			7
11	Kính hộp gắn kín, cách nhiệt <i>Sealed, insulated glass box</i>			7
12	Gạch gốm ốp lát <i>Ceramic tile</i>			7
13	Đá ốp lát tự nhiên <i>Natural stone facing slabs</i>			7



HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation
8 Hoang Quoc Viet, Hanoi; Tel: (+84 24) 7911552; Fax: (+84 24) 7911551; <http://www.boa.gov.vn>

TT No	Tên sản phẩm Product name	Tiêu chuẩn Standard	Thủ tục chứng nhận (quy định riêng) Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
14	Đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ <i>Artificial paving stones on the basis of organic binders</i>			7
15	Gạch đất sét nung <i>Clay brick</i>			7
16	Gạch bê tông <i>Concrete brick</i>			7
17	Cốt liệu cho bê tông và vữa <i>Aggregates for concrete and mortar</i>			7
18	Cát nghiền cho bê tông và vữa <i>Crushed sand for concrete and mortar</i>			7
19	Tấm sóng amiăng xi măng <i>Asbestos-cement corrugated sheet</i>			7
20	Amiăng crizôlin để sản xuất tấm sóng amiăng xi măng <i>Chrysotile asbestos for ssbestos-cement corrugated sheet production</i>			7
21	Tấm thạch cao và panel thạch cao có sợi gia cường <i>Gypsum boards and gypsum panels with fiber reinforcement</i>			7

Sản phẩm điện, điện tử/ Electrical and electronic products

TT No	Tên sản phẩm Product name	Tiêu chuẩn Standard	Thủ tục chứng nhận (quy định riêng) Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
----------	------------------------------	------------------------	---	---



HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation

8 Hoang Quoc Viet, Hanoi; Tel: (+84 24) 7911552; Fax: (+84 24) 7911551; <http://www.boa.gov.vn>

TT No	Tên sản phẩm Product name	Tiêu chuẩn Standard	Thủ tục chứng nhận (quy định riêng) Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
1.	Thiết bị điện và điện tử Electrical and electronic appliances	QCVN 4:2009/BKHCN Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/ BKHCN	KT-QTĐG13-CT	7

Phụ lục này có hiệu lực tới ngày 27 tháng 2 năm 2024

This Accreditation Schedule is effective until 27th February 2024



HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation
8 Hoang Quoc Viet, Ha noi; Tel: (+84 24) 37911552; Fax: (+84 24) 37911551; [Http://www.boa.gov.vn](http://www.boa.gov.vn)

PHẢN HỒI CỦA ĐOÀN ĐÁNH GIÁ/ TEAM RESPONSE

Tổ chức chứng nhận: Vinacontrol HCM

Mã VICAS: 046 PRO

Chuyên gia thẩm xét: Nguyễn Quốc Dũng

Stt No	Ý kiến của Chuyên gia thẩm xét <i>Comments of reviewer</i>	Phản hồi của đoàn đánh giá <i>Responses of assessment team</i>
1	Ghi chép đánh giá chưa thể hiện các nội dung xem xét năng lực nhân sự và năng lực thử nghiệm đối với phạm vi thay đổi.	Thử nghiệm: Đoàn đánh giá đã ghi nhận năng lực thử nghiệm nội bộ cho các nhóm sản phẩm: phân bón, thức ăn chăn nuôi, vật liệu xây dựng, thép) và đầu phụ cho nhóm sản phẩm điện – Các lần đánh giá sau đoàn đánh giá sẽ ghi nhận cụ thể cho từng sản phẩm trong nhóm. Năng lực nhân sự: Do lần đánh giá này Vinacontrol HCM không mở rộng nhóm sản phẩm mới và phương thức 5 nên đoàn đánh giá vẫn ghi nhận năng lực như của lần đánh giá trước và kiểm tra năng lực các chuyên gia mới cũng như tại hồ sơ khách hàng.

Ngày/ Date: 8/2/2021
Trưởng đoàn/ Team leader

Ngày/ Date: 08/02/2021

08/02/2021
Ng. Q. Dũng

Nguyễn Kim Long

CÔNG
N